

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2020/DS-ST
Ngày: 02/6/2020
“V/v tranh chấp dân sự hợp
đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phú;
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện An Phú mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2020 về “*Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXX-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Hồng T**, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Tổ 01, ấp VN, xã VT, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh Tr**, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1965 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 28, ấp VN, xã VT, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án, ông T trình bày: Do là chỗ quen biết nên vào tháng 6/2018 AL ông có cho vợ chồng bà H vay 30.000.000 đồng, lãi suất 7%/tháng, bà H hứa khoảng 01-02 tháng sau trả. Ông giao tiền cho bà H, không có sự chứng kiến của ông Tr và không có làm biên nhận nợ. Quá trình vay, bà H có đóng lãi được 18.000.000 đồng thì ngưng, không trả vốn gốc. Nay yêu cầu ông Tr, bà H liên đới trả 30.000.000 đồng và tính lãi kể từ ngày 23/3/2019 AL đến ngày xét xử theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

Bị đơn là bà H, ông Tr không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông T. Tuy nhiên tại phiên hoà giải ngày 18/02/2020 bà H trình bày: Thừa nhận có hỏi vay tiền của ông T vào hồi tháng 6/2018 AL, số tiền vay là 30.000.000 đồng, không có làm biên nhận nợ, lãi suất thoả thuận là 7%/tháng, không ấn định thời gian trả. Bà nhận tiền từ ông T tại nhà mình, không có sự chứng kiến của ông Tr. Về tiền lãi đã đóng cho ông T 09 lần, tổng cộng 18.000.000 đồng. Nay thừa nhận khoản nợ 30.000.000 đồng, xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ, xin miễn phần tiền lãi như ông T yêu cầu. Về số tiền lãi đã đóng thì không yêu cầu xem xét lại. Bà xác định hiện bà và ông Tr vẫn còn là vợ chồng.

Tại phiên tòa:

Ông T: Rút lại yêu cầu buộc bà H, ông Tr trả lãi, các yêu cầu khác giữ nguyên.

Bà H: Thừa nhận có vay của ông T 30.000.000 đồng, có cho ông Tr hay và ông Tr cũng không ý kiến. Nay không yêu cầu xem xét lại số tiền lãi đã đóng, đồng ý trả nợ nhưng chỉ một mình bà trả, không liên quan đến ông Tr, xin trả dần và xin bỏ trả lãi từ ngày 23/3/2019 AL về sau.

Tại phần tranh luận: Các đương sự không tranh luận.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử là hoàn toàn đúng pháp luật tổ tụng dân sự. Tại phiên toà, thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa và thủ tục xét xử vắng mặt được bảo đảm.

Về nội dung vụ án, qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và tòa án thu thập được công khai, kiểm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Buộc ông Tr, bà H cùng có nghĩa vụ trả cho ông T 30.000.000 đồng tiền vốn.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của ông T liên quan đến việc trả lãi.

Án phí: Ông Tr, bà H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 thì đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông Tr được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Tr.

[2] Về nội dung vụ án: Tháng 6/2018 AL, do có quen biết nên vợ chồng bà H đến gặp ông T hỏi vay 30.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất là 7%/tháng, việc vay tiền không có làm biên nhận, không ấn định cụ thể thời gian thanh toán. Ông T đã đưa tiền cho bà H và nhận tiền lãi được 09 lần với tổng số tiền là 18.000.000 đồng. Do vợ chồng bà H không thực hiện đóng lãi đầy đủ, không trả tiền vốn gốc nên ông T khởi kiện, yêu cầu ông Tr, bà H liên đới trả tiền vốn và tiền lãi theo quy định pháp luật. Bà H thừa nhận việc vay tiền nhưng xin được trả vốn, miễn lãi.

[3] Sau khi xem xét nội dung, tính chất của giao dịch, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Do ông Tr, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp.

[4] Về số tiền vốn: Bà H thừa nhận vợ chồng bà có vay của ông T 30.000.000 đồng, hiện vẫn chưa thanh toán. Mặc dù ông T và bà H đều xác định khi giao, nhận tiền thì chỉ có ông T và bà H nhưng các bên cũng cho biết người đến hỏi vay tiền là ông Tr và bà H. Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và lời trình bày của bà H tại biên bản hoà giải, phiên tòa thì hôn nhân của ông, bà vẫn còn tồn tại.

Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, do đương sự thừa nhận toàn bộ tình tiết, nội dung sự kiện nên trong trường hợp này đương sự không phải chứng minh về khoản

tiền vay. Do vậy, xác định bà H và ông Tr còn nợ ông T 30.000.000 đồng. Buộc ông Tr và bà H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T 30.000.000 đồng.

[5] Về lãi suất, nghĩa vụ trả lãi và số tiền lãi đã đóng:

Về số tiền lãi mà bà H đã đóng: Các đương sự thống nhất bà H đã đóng lãi cho ông T tổng cộng 18.000.000 đồng kể từ ngày nhận tiền đến ngày 23/3/2018AL. Bà H không yêu cầu xem xét lại số tiền lãi đã đóng này; ông T rút lại yêu cầu buộc ông Tr, bà H trả lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên chấp nhận, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu trả lãi của ông T.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp. Ông H, bà Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 244, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 466 và 469 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30/12/2016.

Xử:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bà H, ông Tr trả lãi.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng T.

Buộc ông Nguyễn Thanh Tr và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền: 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Về án phí: Ông Tr, bà H phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú hoàn trả cho ông T số tiền 860.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011730 ngày 14/01/2020.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án được quyền kháng cáo trong thời hạn trên kể từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKS tỉnh AG;
- VKS H.AP;
- THA H.AP;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo